

Bản án số: 346/2021/DS-ST
Ngày: 13-5-2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng
sử dụng thẻ tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1/- Bà Lê Thị Xuân Mai
2/- Bà Nguyễn Thị Xuyên

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1007/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 86/2021/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng SGTT

Trụ sở: Lầu 8, số 266-268, đường N, Phường T, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Nguyên đơn: Ông M, là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền. (Theo Giấy ủy quyền số 352/2020/UQ-TTT ngày 20/8/2020).

(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông TAT, sinh năm 1976

HKTT: Số 260C P, Phường S, Quận B, Thành phố H.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam T17.

(Xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng SGTT có ông M là Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày:

Ngày 06/4/2012, ông TAT có ký với Ngân hàng SGTT (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản

và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (sau đây gọi là Hợp đồng).

Căn cứ vào thu nhập của ông TAT thì Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 200.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ kể từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay, ông TAT đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 3.335.057.110 đồng và thanh toán được 3.472.935.597 đồng. Sau khi trừ hết các khoản theo thứ tự được quy định theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng thì số tiền nợ gốc của ông TAT còn lại là 197.385.096 đồng.

Đến tháng 12/2019 thì ông TAT vi phạm nghĩa vụ thanh toán, từ tháng 12/2019 cho đến nay ông TAT không thanh toán cho Ngân hàng bất cứ khoản tiền nào. Đến ngày 26/12/2019, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông TAT và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (theo Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tiền lãi quá hạn kể từ ngày 25/12/2019 cho đến ngày 03/3/2021 là 102.798.108 đồng. Tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 03/3/2021 mà ông TAT còn nợ Ngân hàng là 300.183.204 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu ông TAT phải trả ngay cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 03/3/2021 là 300.183.204 đồng. Ông TAT còn có nghĩa vụ thanh toán lãi phát sinh từ ngày 04/3/2021 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng và chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

Theo lời bị đơn ông TAT trình bày tại Bản tự khai ngày 03/3/2021:

Ông xác nhận giữa ông và Ngân hàng SGTT có giao kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đúng như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông đã thực hiện trả tiền theo sao kê đúng hạn cho đến khi ông bị Cảnh sát Điều tra bắt ngày 09/10/2019. Hiện nay, số tiền gốc còn lại ông nợ Ngân hàng là 197.385.000 đồng và lãi phát sinh do chậm thanh toán. Ông đồng ý thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng theo phương thức như thế nào sẽ thông báo cho Ngân hàng biết. Trong trường hợp Tòa án đưa vụ án ra xét xử, hòa giải, mở phiên họp xét chứng cứ,... thì ông xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết toàn bộ nội dung vụ án của Tòa án nhân dân Quận 3 và cam kết không khiếu nại gì về sau.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn Ngân hàng SGTT có ông M là Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông TAT xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án nhân dân Quận 3, quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án, nhận thấy bị đơn ông TAT không thực hiện đúng thỏa thuận tại “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng” và “Bản Điều khoản và Điều kiện phát

hành và sử dụng thẻ tín dụng” đã được Ngân hàng phê duyệt ngày 06/4/2012. Nguyên đơn Ngân hàng SGTT khởi kiện bị đơn ông TAT là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Ngân hàng SGTT khởi kiện bị đơn ông TAT phải có trách nhiệm thanh toán số nợ do sử dụng thẻ **tín dụng Sacombank Visa Signature** theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng” và “Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng” được Sacombank phê duyệt ngày 06/4/2012, nên đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền: Theo kết quả xác minh của Công an Phường T, Quận B trả lời Phiếu yêu cầu xác minh ngày 30/11/2020 của Tòa án nhân dân Quận B thể hiện: “Ông TAT sinh 1976 có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 260C đường P, Phường T, Quận B. Ông TAT là con rể của nhà 260C đường P. Ngày 16/8/2019, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố H tạm giữ về hành vi làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức.” Do Bị đơn có nơi cư trú tại Quận B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận B, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

[2.1]. Tại Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 19/4/2021, nguyên đơn Ngân hàng SGTT có ông M là Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền xác định: “Vào ngày 06/4/2012, ông TAT có ký với Ngân hàng SGTT “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng” và bản “Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng”. Loại thẻ của ông TAT là thẻ tín dụng Visa Signature, có số thẻ là 455376 – 6199, lãi suất trong hạn thời gian này là 2.15%/tháng (theo Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế Ngân hàng). Lãi suất trong hạn sẽ thay đổi theo từng thời kỳ khi có văn bản mới của Ngân hàng quy định. Trước khi khởi kiện ông TAT, Ngân hàng đã thực hiện thông báo số tiền nợ sao kê thẻ thông qua tin nhắn điện thoại 0966660000, địa chỉ email vertu@yahoo.com đồng thời gửi văn bản qua đường bưu điện theo địa chỉ mà ông TAT đã cung cấp tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; bên cạnh đó Ngân hàng cũng thông báo cho ông TAT biết việc Ngân hàng sẽ khởi kiện Ông (có đính kèm các tài liệu chứng cứ cho việc khởi kiện) thế nhưng ông TAT vẫn không thực hiện việc trả nợ. Do đó, Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện tại Đơn khởi kiện yêu cầu Tòa buộc ông TAT phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày **12/5/2021** là **316.763.544** đồng, trong đó: Nợ gốc là

197.385.096 đồng và tiền lãi quá hạn từ ngày 25/12/2019 đến ngày 12/5/2021 là 119.378.448 đồng, thanh toán ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, buộc ông TAT phải tiếp tục trả lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 13/5/2021 cho đến khi thanh toán hết dư nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Do thẻ Visa nêu trên ông TAT sử dụng với mục đích cá nhân nên Ngân hàng không yêu cầu vợ của ông TAT phải cùng trả nợ. Lãi suất quá hạn = 150% x (nhân) với lãi suất trong hạn = 150% x (nhân) với 2.6%/tháng = 3.9%/tháng. (Theo Quyết định 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 của Ngân hàng SGTT về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ Thẻ phát hành tại Việt Nam). Tiền lãi quá hạn = Lãi suất quá hạn x (nhân) với số tiền nợ gốc”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án giải quyết vắng mặt Nguyên đơn.

[2.2]. Bị đơn ông TAT xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân Quận B tiến hành xét xử vắng mặt ông TAT.

[3]. Về đường lối giải quyết vụ án: Theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng” được Ngân hàng phê duyệt ngày 06/4/2012 cho thấy giao dịch dân sự giữa ông TAT và Ngân hàng là giao dịch dân sự đang được thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên áp dụng quy định của Bộ luật này để giải quyết vụ án, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực ngày 01/01/2017 quy định về điều khoản chuyển tiếp.

[4]. Về yêu cầu của Nguyên đơn:

Căn cứ “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng” được Ngân hàng phê duyệt ngày 06/4/2012 thì giữa chủ thẻ chính là ông TAT và bên phát hành thẻ là Ngân hàng có thỏa thuận việc cấp và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Visa Signature với hạn mức sử dụng là 200.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn là 2.15%/tháng.

Theo các Bảng tóm tắt sao kê và Sao kê chi tiết giao dịch của ông TAT có số chứng minh nhân dân 022xxxx74 do Ngân hàng cung cấp thì ông TAT kích hoạt thẻ vào ngày 25/4/2012. Ông TAT sử dụng thẻ từ 25/4/2012 đến 25/4/2019 và có thanh toán đều cho Ngân hàng đến 25/8/2019 thì ngưng thanh toán. Do ông TAT vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 26/12/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Thời gian chốt các giao dịch thực hiện trong tháng là vào ngày 25 hàng tháng. Thời gian từ ngày 25/4/2012 đến 25/4/2019, số tiền các lần giao dịch mà ông TAT đã sử dụng thẻ là 3.335.057.110 đồng (số tiền gốc). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông TAT đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 3.472.935.597 đồng. Thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng: Ưu tiên thanh toán phí lãi trước, giao dịch sau. Số tiền thanh toán được thanh toán cụ thể như sau: Phí trễ hạn là 17.905.891 đồng, phí

vượt hạn mức là 508.954 đồng, phí thường niên là 10.475.083 đồng, lãi trong hạn là 425.988.965 đồng. Sau khi trừ hết các khoản trên theo thứ tự thì số tiền gốc còn lại là 197.385.096 đồng. Tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc là 197.385.096 đồng x (nhân) với lãi suất quá hạn. Tiền lãi quá hạn kể từ ngày 26/12/2019 đến 12/5/2021 là **119.378.448** đồng, áp dụng theo mức lãi suất quá hạn là **3.9%/tháng** ($=150\% \times 2.6\%/tháng$), căn cứ Quyết định 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 và Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của Trung tâm thẻ Ngân hàng SGTT về việc thay đổi mức lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế mức lãi suất mới được áp dụng là **2.6%/tháng**. Tổng cộng ông TAT còn nợ Ngân hàng số tiền (tạm tính đến ngày 12/5/2021) là **316.763.544** đồng.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;...”

Theo quy định tại Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng SGTT (Đơn vị phát hành thẻ) kèm theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng của Ngân hàng:

+ Tại mục Phương thức thanh toán, cụ thể là:

- Tại Điều 18 quy định: “Tất cả các giao dịch và phí phát sinh phải được Chủ thẻ thanh toán cho Đơn vị phát hành thẻ vào hoặc trước ngày đến hạn được ghi trên thông báo ...”;

- Tại Điều 19 quy định về Số tiền thanh toán như sau: “Chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn vào hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho Chủ thẻ...”

- Tại Điều 20 quy định về Áp dụng thanh toán như sau: “Thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.”

- Tại Điều 22 quy định về Cách tính lãi như sau: “Chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi suất phát sinh trên tài khoản. Lãi suất được tính như sau:

... b) Đối với giao dịch rút tiền mặt và giao dịch tương đương rút tiền mặt: Lãi suất được tính từ ngày giao dịch cho đến ngày Chủ thẻ thanh toán lại toàn bộ số tiền đã rút.

Việc thanh toán đối với các khoản dư nợ trên tài khoản được thực hiện theo thứ tự được quy định tại Điều 20.

Đơn vị Phát hành thẻ có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo trước cho Chủ thẻ.”

- Tại Điều 23 quy định về Vi phạm như sau:

“Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và Chủ thẻ phải thanh toán. Nếu Chủ thẻ có nhiều hơn một tài khoản với

Đơn vị phát hành thẻ, việc vi phạm ở một tài khoản sẽ tự động được xem như là vi phạm ở tất cả tài khoản khác. Dù bất cứ trường hợp nào, Đơn vị phát hành thẻ có quyền chấm dứt tất cả các tài khoản của Chủ thẻ tại Đơn vị phát hành thẻ...

Khi sự kiện vi phạm xảy ra, Chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng Đơn vị phát hành thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau:

- Chấm dứt quyền sử dụng Thẻ và tiến hành thu hồi toàn bộ nợ.
- Áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) phù hợp với Điều 22 đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của Đơn vị phát hành thẻ ...”

+ Tại mục Các loại phí, cụ thể là:

- Tại Điều 24 quy định về Các loại phí như sau: “Bên cạnh lãi suất, Chủ thẻ còn phải trả các loại phí liên quan đến Thẻ, bao gồm nhưng không giới hạn các loại phí sau đây:

- a) Phí hàng năm và phí phát hành thẻ phụ: Được thu mỗi năm một lần.
- b) Phí rút tiền mặt: Được thu khi Chủ thẻ rút tiền mặt.
- c) Phí giao dịch tương đương rút tiền mặt: Được thu khi Chủ thẻ thực hiện giao dịch tương đương rút tiền mặt.
- ... f) Phí vượt quá hạn mức: Được tính trên số dư vượt hạn mức được cấp.
- g) Phí chậm thanh toán: Được thu nếu Chủ thẻ không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu vào hoặc trước ngày đến hạn...”

Mặt khác, tại Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng như sau:

“Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 19 quy định: Chỉ TCPHT được thu phí của chủ thẻ. TCPHT thu phí theo Biểu phí dịch vụ thẻ của tổ chức mình và không được thu thêm bất kỳ loại phí nào ngoài Biểu phí đã công bố. Biểu phí dịch vụ thẻ phải nêu rõ các loại phí, mức phí áp dụng cho từng loại thẻ và dịch vụ thẻ. Biểu phí dịch vụ thẻ của TCPHT phải phù hợp với quy định của pháp luật, được niêm yết công khai và phải cung cấp cho chủ thẻ trước khi sử dụng và khi có sự thay đổi...”

Ngân hàng đã thực hiện việc thông báo số tiền nợ sao kê thẻ thông qua tin nhắn điện thoại 09xxxx0000, địa chỉ email vertu@yahoo.com đồng thời gửi văn bản qua đường bưu điện theo địa chỉ mà ông TAT đã cung cấp tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng trước khi Ngân hàng thực hiện việc khởi kiện ông TAT tại Tòa cũng như thông báo cho ông TAT biết việc Ngân hàng khởi kiện Ông (có đính kèm các tài liệu chứng cứ cho việc khởi kiện).

Từ những căn cứ trên, xét yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu Tòa buộc ông TAT phải trả cho Ngân hàng số tiền là **316.763.544 (Ba trăm mười sáu triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn, năm trăm bốn mươi bốn)** đồng làm một lần ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật, trong đó số tiền gốc là 197.385.096 đồng, tiền lãi quá hạn (tạm tính từ ngày 26/12/2019 đến 12/5/2021) là **119.378.448** đồng, là có cơ sở nghĩ nên chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng;

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng SGTT:

Buộc ông TAT phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng SGTT số tiền là **316.763.544 (Ba trăm mười sáu triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn, năm trăm bốn mươi bốn)** đồng làm một lần ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật, trong đó số tiền gốc là 197.385.096 đồng, tiền lãi quá hạn (tạm tính từ ngày 26/12/2019 đến 12/5/2021) là **119.378.448** đồng.

Kể từ ngày 13/5/2021, ông TAT còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí phát sinh được tính theo Giấy đề nghị cấp thẻ kiểm hợp đồng được Ngân hàng phê duyệt ngày 06/4/2012 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông TAT phải chịu **15.838.177 (Mười lăm triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn, một trăm bảy mươi bảy)** đồng.

Trả lại cho Ngân hàng SGTT số tiền 6.195.918 (Sáu triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, chín trăm mười tám) đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0032523 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố H.

3/. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 3;
- THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ánh Phượng